

Bản án số: 45/ 2017/HSST
Ngày 08 tháng 8 năm 2017

NHÂN DANH
QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Thiện Thành
Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Vũ

Ông Nguyễn Đình Phong

Th- ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Bùi Hồng Mơ - là th- ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên toà: ông **Trần Văn Tuấn** - Kiểm sát viên

Trong ngày 08/8/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 42/2017/HSST ngày 10/7/2017, theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 44/2017/HSST-QĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C, sinh năm 1991; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; con ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị C; vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; và có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/04/2017, đến ngày 02/05/2017. Đ- ọc thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Trần Văn H, sinh năm 1980; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 01/12; con ông Trần Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); vợ, con ch- a có; tiền án, tiền sự không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/4/2017, đến ngày 02/5/2017. Đ- ọc thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

3. Đinh Văn A, sinh năm 1975; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 5/12; con ông Đinh Văn K và bà Nguyễn Thị T; vợ Vũ Thị X, sinh năm 1981; và có 03 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2007; tiền án không, tiền sự ngày 09/10/2015 bị Công an huyện G ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, ngày 19/6/2017 chấp hành xong Quyết định. Ngày 06/01/2017 bị Đồn Công an G thuộc Công an huyện G ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, ngày 18/01/2017 chấp hành xong Quyết định; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/4/2017,

đến ngày 02/5/2017. Được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

4. Nguyễn Thanh L, sinh năm 1971; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; con ông Nguyễn Trọng Ph và bà Nguyễn Thị T (đều đã chết); vợ Trần Thị Ch, sinh năm 1977; và có 03 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/4/2017, đến ngày 02/5/2017. Được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

5. Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1975; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Ch; vợ Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; và có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/4/2017, đến ngày 02/5/2017. Được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

6. Nguyễn T□K, sinh năm 1978; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 10/12; con ông Nguyễn Văn Ch và bà Hà Thị Đ; vợ Đặng Thị T, sinh năm 1982; và có 03 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/4/2017, đến ngày 02/5/2017. Được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

7. Trần Quốc T, sinh năm 1983; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 2/12; con ông Trần Văn Ng và bà Nguyễn Thị T; vợ Trần Thị Th, sinh năm 1985; và có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/4/2017, đến ngày 02/5/2017. Được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

8. Hà Văn Ph, sinh năm 1990; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; con ông Hà Văn V và bà Trần Thị D; vợ Bùi Thị T, sinh năm 1996; và có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/4/2017, đến ngày 02/5/2017. Được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

9. Phạm Văn L, sinh năm 1982; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; con ông Phạm Quang H và bà Nguyễn Thị N; vợ, con ch- a có; tiền án, tiền sự không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/04/2017, đến ngày 02/05/2017. Được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

*** Ng□oi có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Chị **Trần Thị Ch**, sinh năm 1977; trú tại thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N. (Vắng mặt tại phiên toà).

NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố về hành vi phạm tội nh- sau: Khoảng 19 giờ ngày 29/4/2017, Nguyễn Văn C đến nhà Nguyễn Thanh L để cắt hộ cây cho L dọn lối đi chở vật liệu xây nhà. Khoảng 5 phút sau, Nguyễn Đình Đ điều khiển xe mô tô BKS 35B1- 779.31 đến nhà L chơi, uống nước và cùng cắt cây với C. Khoảng 19 giờ 15 phút cùng ngày, Đình Văn A điều khiển xe mô tô BKS 35H1-4550 đi qua cổng nhà L thì C nhờ Văn A soi hộ đèn xe máy để Đ và C cắt cây. Sau khi cắt dọn xong cây, C, Đ và A vào nhà L ngồi uống nước (lúc này L không ở nhà). Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc ngồi uống nước tại nhà L, C gọi điện thoại cho Trần Văn H nói: “*Đến nhà anh L chơi tý*”, H nói “*Ừ, anh đang lên*”, sau đó H điều khiển xe mô tô BKS 35H5 – 0111 đến nhà L chơi. Khoảng 19 giờ 40 cùng ngày, Nguyễn Tư K điều khiển xe mô tô BKS 35F8 – 5681 đến nhà L chơi uống nước. Trong lúc ngồi uống nước, C nói: “*Anh em làm tý liêng chơi cho vui*” – ý rủ mọi người tham gia đánh bạc được thua bằng tiền, Đ, A, K, H đồng ý. Sau đó, H đi ra quán tạp hóa mua 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân mang về nhà L và lấy chiếc chiếu nhựa cũ (loại chiếu đôi) của nhà L để ở góc nhà trải ra giữa phòng khách, rồi cùng với C, A, K, Đ ngồi xuống đánh bạc. H, Đ, A, C thống nhất đánh bạc bằng hình thức đánh liêng, mức chơi mỗi ván thấp nhất là 10.000đ, cao nhất là 150.000đ. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Trần Quốc T đi bộ đến nhà L và tham gia đánh bạc. Khoảng 10 phút sau thì L về nhà, thấy mọi người đang đánh bạc, L ngồi xuống tham gia đánh bạc cùng. Trong lúc đánh bạc, C gọi điện thoại cho Phạm Văn L nói: “*Đến nhà L uống nước*”, L thấy C rủ đến uống nước nên trả lời: “*Anh đang ăn cơm, tý anh lên*”, sau đó L điều khiển xe mô tô BKS 35H2-8720 đến nhà L. Khi đến nhà L, L thấy mọi người đang đánh bạc nên ngồi xuống tham gia đánh bạc cùng. Khoảng 21 giờ cùng ngày, Hà Văn Ph đến nhà L chơi và vào tham gia đánh bạc. Đến khoảng 21h30 phút cùng ngày, khi Nguyễn Văn C, Trần Văn H, Đình Văn A, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Tư K, Trần Quốc T, Nguyễn Thanh L, Phạm Văn L và Hà Văn Ph đang tham gia đánh bạc thì bị lực lượng công an huyện G phối hợp với Công an xã G tuần tra kiểm soát phát hiện bắt quả tang.

Thu giữ tại chiếu bạc số tiền **6.040.000** đồng (gồm: thu số tiền 3.040.000 đồng dưới chiếu bạc, 01 chiếc ví giả da màu nâu bên trong có số tiền 2.000.000 đồng của Nguyễn Thanh L để dưới chiếu bạc, 01 ví chiếc ví giả da màu nâu bên trong có số tiền 1.000.000 đồng của Nguyễn Đình Đ để dưới chiếu bạc); 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếc chiếu nhựa cũ. Thu của Nguyễn Văn C số tiền 20.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, vỏ màu đen. Thu của Trần Văn H số tiền 10.000 đồng, 01 xe mô tô BKS 35H5 – 0111, nhãn hiệu HONDA, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J1, vỏ màu trắng. Thu của Đình Văn A 01 xe mô tô nhãn hiệu SKYGO, biển kiểm soát 35H1 - 4550, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Master – A106, vỏ màu trắng đen. Thu của Hà Văn Ph số tiền 460.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xphone - X6216, vỏ màu đen. Thu của Trần Quốc T số tiền 600.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Lumia, vỏ màu đen. Thu của Nguyễn Đình Đ 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA – AIR BLADE, biển kiểm soát 35B1 – 779.31, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung – Duos,

vỏ màu trắng. Thu của Nguyễn Tư K số tiền 500.000 đồng, 01 xe mô tô BKS 35F8 – 5681, nhãn hiệu CPI, 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT, vỏ màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu xanh. Thu của Phạm Văn L 01 xe mô tô BKS 35H2 – 8720, nhãn hiệu HONDA WAVE, trong cốp xe mô tô có số tiền 5.500.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC, vỏ màu trắng. Thu của Nguyễn Thanh L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 5130C, vỏ màu xanh đen.

Quá trình điều tra xác định tổng số tiền các bị can sử dụng vào việc đánh bạc là 7.630.000 đồng (gồm 6.040.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc, 20.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn C, 10.000 đồng thu giữ của Trần Văn H, 460.000 đồng thu giữ của Hà Văn Ph, 500.000 đồng thu giữ của Nguyễn Tư K, 600.000 đồng thu giữ của Trần Quốc T).

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn C, Trần Văn H, Đinh Văn A, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Tư K, Trần Quốc T, Nguyễn Thanh L, Phạm Văn L và Hà Văn Ph đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm.

Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 07/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố Nguyễn Văn C, Trần Văn H, Đinh Văn A, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Tư K, Trần Quốc T, Nguyễn Thanh L, Phạm Văn L và Hà Văn Ph ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội “**Đánh bạc**” theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên Tòa vì đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố nh- bản cáo trạng đã nêu, sau khi luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn C, Trần Văn H, Đinh Văn A, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Tư K, Trần Quốc T, Nguyễn Thanh L, Phạm Văn L và Hà Văn Ph** phạm tội “**Đánh bạc**”; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Đinh Văn A** từ 15 tháng đến 18 tháng Cải tạo không giam giữ (đ- ọc trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày Cải tạo không giam giữ); thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ tính từ ngày ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N nhận đ- ọc bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ từ 10% đến 15% thu nhập hàng tháng của **Đinh Văn A** để sung quỹ Nhà n- ọc trong thời gian chấp hành án.

Giao bị cáo **Đinh Văn A** cho ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát giáo dục đối với bị cáo trong thời gian cải tạo.

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C** từ 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Bị cáo **Trần Văn H** từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng. Bị cáo **Nguyễn Thanh L** từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Bị cáo **Nguyễn Đình Đ** từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Bị cáo **Nguyễn T□ K** từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Bị cáo **Trần Quốc T** từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Bị cáo **Hà Văn Ph** từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Bị cáo **Phạm Văn L** từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 7.630.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia 1280, màu đen thu giữ của Nguyễn Văn C; 01 điện thoại di động Samsung J1, màu trắng thu giữ của Trần Văn H là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu nhựa (loại chiếu đôi) thu giữ của gia đình bị cáo L và chị Trần Thị Ch và 02 ví giả da màu nâu thu giữ của L và Đ là công cụ dùng vào việc phạm tội và vật chứng không có giá trị.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn L số tiền 5.500.000 đồng là số tiền không sử dụng vào đánh bạc, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo và lời khai của những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các bị cáo ***Nguyễn Văn C, Trần Văn H, Đinh Văn A, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Tư K, Trần Quốc T, Nguyễn Thanh L, Phạm Văn L và Hà Văn Ph*** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố. Các bị cáo khai khoảng 19 giờ 40 ngày 29/4/2017, trong khi Nguyễn Văn C, Nguyễn Đình Đ, Đinh Văn A, Trần Văn H và Nguyễn T- K ngồi uống nước ở nhà Nguyễn Thanh L (lúc này L không ở nhà) tại thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N thì Nguyễn Văn C rủ Đ, A, H và K đánh bạc. Sau đó, H đi ra quán tạp hóa mua 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân mang về nhà L và lấy chiếc chiếu nhựa cũ (loại chiếu đôi) của nhà L trải ra giữa phòng khách, rồi cùng với C, A, K, Đ ngồi xuống đánh bạc bằng hình thức đánh "Liêng" được thua bằng tiền với mức thắng thua thấp nhất là 10.000 đồng, cao nhất là 150.000 đồng mỗi ván. Khoảng 20 giờ cùng ngày Trần Quốc T đi bộ đến và tham gia đánh bạc, khoảng 20 giờ 10 phút thì L về nhà, thấy mọi người đang đánh bạc, L ngồi xuống tham gia đánh bạc. Sau đó lần lượt, Phạm Văn L, Hà Văn Ph đi đến nhà L và vào tham gia cùng đánh bạc. Đến khoảng 21h30 phút cùng ngày, trong khi C, H, A, Đ, K, T, L, L và Ph đang đánh bạc thì bị lực lượng công an huyện G phối hợp với Công an xã G phát hiện bắt quả tang.

Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã đủ cơ sở kết luận hành vi đánh bạc bằng hình thức "đánh liêng" được thua bằng tiền, với số tiền sử dụng để đánh bạc là 7.630.000 đồng của ***Nguyễn Văn C, Trần Văn H, Đinh Văn A, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Tư K, Trần Quốc T, Nguyễn Thanh L, Phạm Văn L và Hà Văn Ph*** đã phạm tội "***Đánh bạc***". Căn cứ tính chất, mức độ, số tiền dùng vào việc đánh bạc và nhân thân của các bị cáo. Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố các bị cáo ***Nguyễn Văn C, Trần Văn H, Đinh Văn A, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Tư K, Trần Quốc T, Nguyễn Thanh L, Phạm Văn L và***

Hà Văn Ph theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng ng-ời, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, an toàn công cộng đ-ợc pháp luật hình sự bảo vệ.

Đánh bạc đang là một tệ nạn nguy hiểm, bị gia đình, xã hội lên án, Nhà n-ớc ta đang ra sức loại trừ. Vì đánh bạc mà nhiều gia đình bị khánh kiệt, nợ nần chồng chất, nó cũng là nguyên nhân gây nên một loạt các loại tội phạm khác. Các bị cáo đều đã thành niên, ng-ời có gia đình, ng-ời ch- a có gia đình, nh- ng không chịu tu chí làm ăn l- ong thiện mà lại tham gia đánh bạc kiếm tiền bất chính. Hành vi của các bị cáo bị chính gia đình các bị cáo lên án, làm ảnh h- ởng đến an ninh, trật tự trên địa bàn, vì vậy phải có biện pháp xử lý thật nghiêm minh, t- ong xứng với hành vi của các bị cáo. Đồng thời đảm bảo đ- ợc tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, để cá thể hoá về hình phạt cần phải xác định vai trò, mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm của từng bị cáo.

Đối với Nguyễn Văn C là ng-ời khởi x- ớng, chủ động rủ rê lôi kéo các bị cáo khác tham gia đánh bạc, bản thân bị cáo tích cực thực hiện hành vi đánh bạc cùng đồng phạm. Do vậy Nguyễn Văn C xếp vai trò đầu trong vụ vụ án.

Đối với Trần Văn H là ng-ời chuẩn bị công cụ, ph- ong tiện để cho các bị cáo đánh bạc, bản thân bị cáo tích cực thực hiện hành vi đánh bạc cùng đồng phạm. Do vậy Trần Văn H xếp vai trò thứ hai trong vụ án.

Đối với Đinh Văn A đã có hai tiền sự, nh- ng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn phạm tội. Đối với Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Tư K, Trần Quốc T, Nguyễn Thanh L, Phạm Văn L và Hà Văn Ph đều là những ng-ời thực hiện tội phạm một cách tích cực. Do vậy A, Đ, K, T, L, L và Ph lần l- ợt xếp vai trò sau cùng trong vụ án.

Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt cụ thể cũng cần xem xét đến trong quá trình điều tra và tại phiên Toà; các bị cáo đều thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc tr- ờng hợp ít nghiêm trọng, tỏ rõ sự ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết đ- ợc quy định tại điểm p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, cần đ- ợc áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng nh- nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo Đinh Văn A ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa ph- ong nơi bị cáo th- ởng trú và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Bị cáo Đinh Văn A bị tạm giữ 03 ngày (từ ngày 29/4/2017 đến ngày 02/5/2017) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, sẽ đ- ợc trừ vào thời gian cải tạo của bị cáo. Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng theo biên bản xác minh thu nhập đối với bị cáo Đinh Văn A, ngày 04/6/2017 là 1.750.000 đồng/tháng thành tiền là 175.000 đồng/tháng, theo quy định tại Điều 31 Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn H, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Tư K, Trần Quốc T, Nguyễn Thanh L, Phạm Văn L và Hà Văn Ph Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền, tuy là ít nghiêm khắc hơn nh- ng là sự trừng phạt nặng về kinh tế đối với các bị cáo, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Về xử lý tài sản tạm giữ và vật chứng:

Quá trình điều tra, cũng nh- tại phiên Tòa đã xác định số tiền các bị cáo **Nguyễn Văn C, Trần Văn H, Đinh Văn A, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Tư K, Trần Quốc T, Nguyễn Thanh L, Phạm Văn L và Hà Văn Ph** sử dụng vào việc đánh bạc là 7.630.000 đồng (gồm 6.040.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc, 20.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn C, 10.000 đồng thu giữ của Trần Văn H, 460.000 đồng thu giữ của Hà Văn Ph, 500.000 đồng thu giữ của Nguyễn Tư K, 600.000 đồng thu giữ của Trần Quốc T). Cần tịch thu sung quỹ Nhà n- ớc.

Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu nhựa thu giữ của gia đình bị cáo L và chị Trần Thị Ch và 02 ví giả da màu nâu thu giữ của L và Đ là công cụ dùng vào việc phạm tội và vật chứng không có giá trị, cần tịch thu tiêu huỷ.

Đối với 01 điện thoại di động Nokia 1280, vỏ màu đen thu giữ của Nguyễn Văn C; 01 điện thoại di động Samsung J1, vỏ màu trắng thu giữ của Trần Văn H là ph- ong tiện dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung quỹ Nhà n- ớc.

Đối với số tiền 5.500.000 đồng, thu giữ của Phạm Văn L không sử dụng vào đánh bạc, cần trả lại cho bị cáo L, nh- ng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 35H5 – 0.111, thu giữ của Trần Văn H; 01 xe mô tô BKS 35F8 – 5681, 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, thu giữ của Nguyễn Tư K; 01 xe mô tô biển kiểm soát 35B1 – 779.31, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung – Duos, thu giữ của Nguyễn Đình Đ; 01 xe mô tô biển kiểm soát 35H1 – 4550, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Master A106, thu giữ của Đinh Văn A; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xphone - X6216, thu giữ của Hà Văn Ph; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Lumia 900, thu giữ của Trần Quốc T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 5130C, thu giữ của Nguyễn Thanh L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu HTC-820G, 01 xe mô tô BKS 35H2 – 8720, thu giữ của Phạm Văn L. Quá trình điều tra xác định đều là tài sản hợp pháp của các bị cáo, có nguồn gốc rõ ràng, các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại các tài sản nêu trên cho các bị cáo, là phù hợp.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Các bị cáo **Nguyễn Văn C, Trần Văn H, Đinh Văn A, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Tư K, Trần Quốc T, Nguyễn Thanh L, Phạm Văn L và Hà Văn Ph** phạm tội "**Đánh bạc** "

□p dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Đình Văn A** 18 (m-ời tám) tháng Cải tạo không giam giữ (đ-ợc trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ); thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ còn lại là 17 (m-ời bảy) tháng 21 (hai m-ời một) ngày, tính từ ngày ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N nhận đ-ợc bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ 10% thu nhập trong 18 (m-ời tám) tháng, mỗi tháng là 150.000 đồng/tháng để sung quỹ Nhà n-ớc.

Giao bị cáo **Đình Văn A** cho ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát giáo dục đối với bị cáo trong thời gian cải tạo.

□p dụng khoản 1 Điều 248, điểm p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự:

- + Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C** : **9. 000.000** (chín triệu) đồng.
- + Xử phạt bị cáo **Trần Văn H**: **8. 000.000** (tám triệu) đồng.
- + Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đình Đ**: **7. 000.000** (bảy triệu) đồng.
- + Xử phạt bị cáo **Nguyễn T□K**: **7. 000.000** (bảy triệu) đồng.
- + Xử phạt bị cáo **Trần Quốc T**: **7. 000.000** (bảy triệu) đồng.
- + Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh L**: **7. 000.000** (bảy triệu) đồng.
- + Xử phạt bị cáo **Phạm Văn L**: **7. 000.000** (bảy triệu) đồng.
- + Xử phạt bị cáo **Hà Văn Ph**: **7. 000.000** (bảy triệu) đồng.

2. Về xử lý vật chứng:

□p dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà n-ớc số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 7.630.000 đồng (gồm 6.040.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc, 20.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn C, 10.000 đồng thu giữ của Trần Văn H, 460.000 đồng thu giữ của Hà Văn Ph, 500.000 đồng thu giữ của Nguyễn Tư K, 600.000 đồng thu giữ của Trần Quốc T) và 01 điện thoại di động Nokia 1280, màu đen thu giữ của Nguyễn Văn C; 01 điện thoại di động Samsung J1, màu trắng thu giữ của Trần Văn H là ph-ong tiện dùng vào việc phạm tội.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu nhựa (loại chiếu đôi) thu giữ của gia đình bị cáo L và chị Trần Thị Ch và 02 ví giả da màu nâu thu giữ của L và Đ là công cụ dùng vào việc phạm tội và vật chứng không có giá trị.

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Văn L số tiền 5.500.000 đồng là số tiền không sử dụng vào đánh bạc, nh-ng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Số tiền tịch thu sung quỹ Nhà N-ớc và trả lại bị cáo L gửi tại tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Viễn. Đặc điểm chi tiết các vật chứng tịch thu tiêu hủy, tịch thu sung quỹ Nhà N-ớc theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/7/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Viễn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Viễn).

□p dụng Điều 357 Bộ luật dân sự về việc phải chịu lãi suất nếu chậm thi hành:

Trong tr-ờng hợp bên có nghĩa vụ tạm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

“Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự”

3. Về án phí:

□p dụng: Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Th- ờng vụ Quốc Hội. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn)đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

□n xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản án hoặc bản án đ- ợc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- Công an huyện G;
- T.H.A huyện G;
- VKS huyện G;
- Bị cáo;Ng- ời có QLNVLQ;
- L- u hồ sơ, văn phòng;

(Thông báo cho chính quyền địa ph- ơng nơi bị cáo c- trú).

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hà Thiện Thành